

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2026/DS-PT
Ngày: 10/3/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Linh

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2026/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026, về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Bùi Quốc T, sinh năm 1966. Có mặt.

CCCD số: 089066014989 cấp ngày 20/8/2021.

1.2. Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1969. Có mặt.

CCCD số: 089169013680 cấp ngày 20/8/2021.

Cùng địa chỉ (cũ): ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn M (tên gọi khác: H), sinh năm 1988. Có mặt.

CCCD số: 089088019257 cấp ngày 01/11/2022.

Địa chỉ (cũ): Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ hiện nay: ấp T, xã A, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Mỹ H1 (Vợ ông M), sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ (cũ): Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ hiện nay: ấp T, xã A, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Dương Văn M - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo nguyên đơn ông Bùi Quốc T, bà Nguyễn Thị Bé S trình bày:** Ông bà làm nghề thu mua lúa ruộng. Vào sáng ngày 24/12/2024 có người đàn ông gọi điện thoại qua số điện thoại 0922.946 534 xưng tên là L ở Kiên Giang trao đổi về việc có lúa định bán cho ông bà, vì trước đó năm 2023 ông L này có từng bán lúa cho ông bà. Do ông bà đang thu mua lúa ở An Giang nên có gọi điện cho ông Dương Văn M nhờ ông M liên lạc với ông L xem lúa và thoả thuận giá cả đặt cọc nếu lúa tốt, ông M đồng ý. Sau khi ông M trao đổi việc mua bán lúa với ông L, đến 14 giờ cùng ngày ông M kêu ông bà chuyển khoản cho ông M số tiền 57.000.000đ, để ông đặt cọc mua lúa với ông L. Mấy ngày sau ông M đưa cho bà S tờ hợp đồng mua bán lúa giữa ông và ông Trần Thái L.

Đến ngày 06/01/2025, do giá lúa giảm nên bà S gặp ông M tìm người bán lúa để thương lượng lại giá cả nhưng ông M nói với bà S là ông đã bị người nhận cọc lừa và chiếm hết số tiền đặt cọc nên không giao lúa và cũng không trả tiền đặt cọc cho bà S. Ông bà cùng với ông M đến từng thửa ruộng lúa do ông Minh xác N là đã thoả thuận bán lúa cho ông bà theo như lời ông M trình bày, nhưng thực tế những ruộng lúa này đều đã có chủ và các chủ ruộng này khẳng định không có ý định bán lúa như lời trình bày của ông M trước đây. Kể cả người đàn ông tên Trần Thái L cũng không có thật tại địa phương. Ông bà nhiều lần yêu cầu ông M hoàn trả số tiền vợ chồng ông đã chuyển cọc cho ông M trước đây, tuy nhiên ông M cố tình trốn tránh, không trả.

Nay yêu cầu buộc cá nhân ông Dương Văn M phải trả tiền chuyển khoản đặt cọc là 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng).

- **Theo bị đơn ông Dương Văn M trình bày:** Khoảng 09h sáng ngày 24/12/2024 (âm lịch), bà S có gọi điện cho ông M yêu cầu ông M liên hệ với người đàn ông tên L để xem ruộng lúa và thoả thuận việc chuyển cọc mua lúa của người đàn ông này thay cho vợ chồng ông T, bà S. Đến chiều cùng ngày ông M đến gặp trực tiếp người đàn ông tên L thì người này dẫn ông M đến xem lúa có diện tích là 192 công – lúa Đài Thơm 8. Từ khoảng thời điểm xem lúa, đến tầm khoảng 20 ngày thu hoạch. Thoả thuận chuyển cọc cho người tên L số tiền 57.000.000đ. Do người tên L không có số tài khoản Ngân hàng nên bà S chuyển tiền qua số tài khoản của ông để ông rút tiền giao cho người tên L. Thời điểm giao tiền chính là thời điểm ký kết hợp đồng mua bán lúa giữa ông M với ông L vào ngày 24/11/2024 (al). Xác định đến ngày 08, 09 của tháng sau (tháng 12/2024 al) sẽ tiến hành gặt lúa. Đồng thời ông L có liệt kê danh sách các hộ bán

lúa kèm theo, nhiều nhất là hộ ông L với 80 công lúa, ít nhất là hộ ông T1 với 15 công lúa, tổng số công lúa đặt cọc là 192 công.

Vì thời điểm này giá lúa thấp (do lúc đặt cọc giá lúa 7.800đ/kg, lúc gặt giá 6.100đ), nên bà S có ý định bỏ cọc, không mua lúa nữa nhưng vì việc bà mua được lúa ông cũng được tiền hoa hồng (ông nhận 50.000đ/1 tấn lúa) nên ông M có khuyên bà qua xem lúa như thế nào, tiện thể xem có xin thêm giá lúa được không rồi hãy quyết định bỏ cọc hay không. Trước thời điểm gặt lúa khoảng 02-03 ngày, ông M và bà S cùng đến xem thửa ruộng. Khi đến nơi gặp người phụ nữ là chủ lúa mà bà S đã bỏ cọc trước đó, người phụ nữ ở Xáng 2 kênh 10 Q, lúc này người phụ nữ báo là bà không bán lúa cho ai hết, cũng không yêu cầu người nào tên L đứng ra bán lúa cho bà. Sau đó ông cùng bà S có trình báo với chính quyền địa phương thì được biết, ở địa phương này không có ai tên L và những chủ ruộng lúa của 192 công nói trên cũng không có ai nhờ người nào tên L đứng ra mua lúa cho họ. Sự việc này ông M và phía bà S có trình báo với Công an xã nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Vì bà S trình bày đã giao dịch với người đàn ông tên L trước đó nên ông M không xác minh lại số ruộng lúa ông L liệt kê để bán cho vợ chồng bà S thuộc về chủ lúa cụ thể là ai.

Nay ông thừa nhận có nhận số tiền 57.000.000đ từ vợ chồng ông T, bà S qua hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên ông đã đặt cọc và giao tiền cho ông L. Việc sau này phát hiện không có người nào tên L đứng ra mua bán lúa với những hộ dân của 192 công nói trên là sự việc ngoài ý muốn, ông cũng đã trình báo với Công an địa phương về đối tượng này nhưng đến nay vụ việc vẫn chưa có kết quả. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H1 trình bày: Việc mua bán lúa giữa vợ chồng ông T, bà S với chồng bà là ông Dương Văn M liên quan đến người tên L cũng như việc giao dịch mua bán giao tiền với người tên L thì bà nghe ông M nói lại, bà không tận mắt chứng kiến. Nay vợ chồng ông T, bà S khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Dương Văn M trả cho vợ chồng ông T với số tiền 57.000.000đ thì bà H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T.

Tuy nhiên bà H1 thừa nhận ông M có nhận chuyển khoản từ vợ chồng bà S với số tiền 57.000.000đ, tuy nhiên ông M đã giao toàn bộ số tiền này cho người đàn ông tên L, người tên L này chính là người bà S giới thiệu cho ông M để giao dịch mua lúa dùm cho vợ chồng bà S. Ông M không xài bất kỳ số tiền nào từ khoảng tiền 57.000.000đ này. Việc bị người tên L lừa đảo là sự việc ngoài ý muốn, chồng bà cũng đã trình báo với công an xử lý người này.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh An Giang đã xét xử, quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc T, bà Nguyễn Thị Bé S về việc yêu cầu ông Dương Văn M trả số tiền đặt cọc. Buộc ông Dương Văn M trả cho ông Bùi Quốc T, bà Nguyễn Thị Bé S số tiền là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/11/2025 bị đơn ông Dương Văn M có đơn kháng cáo: Yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm, xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, do ông chỉ là người làm việc theo sự ủy quyền của ông T và bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn là ông M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H1: Không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và ý kiến về hướng giải quyết vụ án: Bản án dân sự sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST, ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh An Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Những người vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật TTDS tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] *Về nội dung vụ án như sau:* Vợ chồng ông T, bà S có nhờ ông M đi coi lúa để ông T, bà S mua. Khi ông T, bà S mua được lúa thì ông M được hưởng tiền hoa hồng là 50.000đ/tấn lúa. Ông M có nghĩa vụ thỏa thuận thương lượng giá mua với bên bán. Ông M là người ký hợp đồng mua bán với ông L, mua số lượng lúa của 192 công đất. Để được mua số lúa trên thì vợ chồng ông T, bà S phải đưa cho ông M số tiền là 57.000.000đ để ông M làm tiền đặt cọc. Tuy nhiên, trên thực tế không có người nào tên L và cũng không có ai bán lúa cho ông M, do đó ông T và bà S không mua được lúa.

[3] *Xét kháng cáo của ông Dương Văn M, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:* Ông M có nhận của vợ chồng ông T, bà S số tiền 57.000.000đ để đặt cọc mua lúa. Tuy nhiên, trên thực tế không có ai mua bán với ông M và cũng không có lúa bán cho ông T, bà S. Do đó, bản án sơ thẩm buộc ông M phải trả lại số tiền đã nhận cho ông T, bà S là có cơ sở và có căn cứ.

[4] Từ cơ sở nhận định nêu trên, nhận thấy bản án dân sự sơ thẩm xét xử là đúng quy định pháp luật. Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc: Không chấp nhận kháng cáo của ông M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST, ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh An Giang

[5] *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Giữ nguyên như bản án sơ thẩm tuyên.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Số tiền là 300.000đ. Buộc ông Dương Văn M phải nộp do kháng cáo không được chấp nhận và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST, ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Dương Văn M trả cho ông Bùi Quốc T, bà Nguyễn Thị Bé S số tiền là 57.000.000đ (*Năm mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Dương Văn M nộp 2.850.000đ (*Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Bùi Quốc T, bà Nguyễn Thị Bé S số tiền tạm ứng án phí là 1.425.000đ (*Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005348, ngày 05/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Số tiền là 300.000đ. Buộc ông Dương Văn M phải nộp. Theo đó được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ

theo Biên lai thu số 0010929 ngày 04/125/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 7;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân